

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2022/HNGĐ – ST

Ngày: 10 - 6 -2022

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2022/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trọng Thị S, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 11, xã Ea Lai, huyện M Đrăk, tỉnh Đăk Lăk

- Bị đơn: **anh Trương Văn H, sinh năm 1986**

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn vắng mặt và có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Trọng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2013 tại ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh chị chung sống hạnh phúc được vài tháng đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hòa

thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã, đến đầu năm 2021 thì chị và anh H đã sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 người con chung, họ tên là: Trương Văn B, sinh ngày 10/9/2014 và Trương Trọng Hoàng A sinh ngày 30/12/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Trọng Hoàng A; giao cháu Trương Văn B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị làm nông và buôn bán có thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, có nhà ở ổn định tại thôn 11, xã E, huyện M, Đắk Lắk.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trọng Thị S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2013 tại ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, chị S cũng bỏ đi từ đầu năm 2021, anh và chị S đã sống ly thân liên tục từ đầu năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, chị S yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 người con chung, họ tên là Trương Văn B, sinh ngày 10/9/2014 và Trương Trọng Hoàng A sinh ngày 30/12/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Trương Trọng Hoàng A và Trương Văn B.

Nghề nghiệp của anh là làm nông, anh có rẫy điều 01ha và 05 sào cây cao su. Thu nhập trung bình trên rẫy điều và cao su khoảng 30.000.000đ/năm. Ngoài ra anh còn có nghề thợ xây, thu nhập trung bình khoảng 12.000.000đ/tháng. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Văn B; còn cháu Trương Trọng Hoàng A thì từ khi anh với chị S sống ly thân thì chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Anh muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Trọng Hoàng A vì chị S không có nơi ở ổn định, không cho cháu Hoàng Anh học hành nên anh muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Trương Văn B và Trương Trọng Hoàng A để các cháu được học hành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị S được ly hôn với anh H; về con chung: Giao cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng;

giao cháu A cho chị S nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Trọng Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H cư trú tại Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chị S và anh H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn chị S vắng mặt và có văn bản xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trọng Thị S yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị S và anh H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, nảy sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, anh chị cũng đã sống ly thân một khoảng thời gian. Như vậy, chị S và anh H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, chăm sóc, chung sống cùng với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị S và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị S yêu cầu ly hôn với anh H, phía anh H cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị S là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị S và anh H có 02 người con chung, họ tên là Trương Văn B, sinh ngày 10/9/2014 và Trương Trọng Hoàng A sinh ngày 30/12/2017. Sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Trương Trọng Hoàng A; giao cháu Trương Văn B cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Bị đơn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Trương Văn B và Trương Trọng Hoàng A. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn anh H trình bày anh có nghề nghiệp thợ xây và có thu nhập từ vườn rẫy, chị S trình bày chị làm nghề

buôn bán cũng có thu nhập chi phí nuôi con chung; căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con thì cha mẹ phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, vì vậy chị Sem và anh H đều phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh chị sau khi ly hôn. Từ khi anh H và chị S sống ly thân thì anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, để đảm bảo sự ổn định cho các cháu, mặt khác theo lời khai của cháu B thì cháu có nguyện vọng được ở với ba cháu là anh H. Do đó, cần giao cháu B cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu A cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và cùng với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 ; **Điều 81,82,83,84 của** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trọng Thị S. Chị Trọng Thị S được ly hôn với anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Văn B, sinh ngày 10/9/2014 cho anh Trương Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Trương Trọng Hoàng A sinh ngày 30/12/2017 cho chị Trọng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trọng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000383 ngày 13/4/2022.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà